

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 8 - 2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Kim Thanh

2. Ông Hoàng Văn Khảm

-Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Thúy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1989 (có mặt);

2. *Bị đơn:*Chị Dương Thị L, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Đều có địa chỉ: Thôn Y T, xã Y P, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 15 tháng 02 năm 2020 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Dương Thị L đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 01 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Y P, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị L về ở và làm ăn chung với gia đình anh tại thôn Y T, xã Y P, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L hòa

thuận hạnh phúc. Tháng 5 năm 2019, anh và chị L phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh và chị L bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 6 năm 2019, anh và chị L mâu thuẫn căng thẳng, chị L bỏ đi khỏi địa phương. Vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Có lần chị L gọi điện thoại cho anh, anh hỏi chị L ở đâu, làm gì thì chị L không nói. Chị L chỉ nói là chị đi làm ăn ở xa. Anh có thông báo cho chị về Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc để giải quyết việc ly hôn. Chị L nói chị đồng ý ly hôn nhưng chị không về Tòa án để giải quyết được vì chị bận nhiều việc. Thực tế cho đến nay anh và chị L đã ly thân được hơn 01 năm, vợ chồng không còn liên lạc, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung: Anh và chị L không có con chung.

Về tài sản chung, về tài sản riêng, đất canh tác, công sức làm dâu: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh và chị L không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

- Bị đơn chị Dương Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ nhưng chị L đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị L cũng như không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật được. Chị L không có yêu cầu phản tố. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ nhưng chị L không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do anh T cung cấp.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ song không đến Tòa án làm việc là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần

Văn T đối với chị Dương Thị L; về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Do bị đơn chị Dương Thị L có nơi cư trú tại thôn Y T, xã Y P, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn chị Dương Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng chị L không đến Tòa án để giải quyết nên trong hồ sơ không có lời khai của chị L và Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 01/7/2020, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và niêm yết theo quy định, ngoài ra còn gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Dương Quang Bình là bố chị L và ông Bình cam đoan thông báo cho chị L nhưng chị L vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã niêm yết quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, ngoài ra còn gửi quyết định hoãn phiên tòa cho ông Dương Quang Bình và ông Bình cam đoan thông báo cho chị L. Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Dương Thị L là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh T và chị L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay, cũng như trong quá trình giải quyết tại Tòa án, anh T cương quyết xin ly hôn còn chị L vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L đã xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân theo lời trình bày của anh T là do anh và chị L bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày dẫn đến anh và chị L thường xuyên cãi nhau. Tại biên bản ghi lời khai của ông Dương Quang Bình, bà Nguyễn Thị Phượng là bố mẹ đẻ của chị L, ông Bình và bà Phượng xác định khoảng giữa năm 2019, anh T và chị L mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân vì sao thì ông Bình, bà Phượng không biết. Chị L đã rời

khỏi địa phương xã Y P, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc và anh T, chị L đã ly thân từ khoảng giữa năm 2019 cho đến nay. Hiện nay, chị L đi làm ăn ở nơi khác còn cụ thể ở đâu thì ông Bình, bà Phượng không biết nhưng chị L vẫn thường xuyên gọi điện thoại liên lạc với ông Bình, bà Phượng. Chị L biết việc Tòa án giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị L nhưng chị L không đến Tòa án để giải quyết. Tại biên bản xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh T, chị L cũng thể hiện khoảng tháng 6 năm 2019, giữa anh T và chị L mâu thuẫn căng thẳng, chị L đã rời khỏi địa phương và anh T, chị L ly thân từ khoảng tháng 6 năm 2019 cho đến nay, còn nguyên nhân vì sao thì địa phương không nắm bắt được. Như vậy, có thể khẳng định vợ chồng anh T, chị L mâu thuẫn căng thẳng, chị L rời khỏi địa phương và vợ chồng anh T, chị L ly thân từ khoảng giữa năm 2019 cho đến nay. Chị L biết việc Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị L nhưng chị L cố tình không đến Tòa án để giải quyết. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ vì cuộc sống chung giữa anh T và chị L không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử cho anh T được ly hôn chị L là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung, công nợ: Anh T xác nhận không có.
- Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức đóng góp: Vì anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị L vắng mặt không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[4]. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Dương Thị L.
2. Về con chung, công nợ: Không có.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức đóng góp: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0005516 ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Trần Văn T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn chị Dương Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- UBND xã Yên Phương, huyện Yên Lạc;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Thảo